

Ban hành kèm theo Thông tư số
20/2018/TT-BTNMT, ngày 08/11/2018 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường

Năm.....

Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Kế
hoạch - Tài chính

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/3 năm sau

[illegible]

	phố A																					
2	Tỉnh/Thành phố B																					
																						

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 0308/BTNMT. Danh mục khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Phạm vi thống kê

Thống kê số khu vực, diện tích khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo từng loại khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định trên địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lũy kế đến ngày 31/12 năm báo cáo còn hiệu lực thi hành.

2. Cách ghi biểu

Cột B: ghi danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo danh mục đơn vị hành chính;

Cột 1, 2: ghi số khu vực, diện tích khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia trên địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định lũy kế đến ngày 31/12 năm báo cáo;

Cột 1 = Cột 3 + Cột 5 + Cột 7 +...

Cột 2 = Cột 4 + Cột 6 + Cột 8 +...

Cột 3, 5, 7...: ghi số khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo từng loại khoáng sản (than năng lượng, quặng chì - kẽm, quặng bauxit laterit...);

Cột 4, 6, 8...: ghi diện tích khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo từng loại khoáng sản (than năng lượng, quặng chì - kẽm, quặng bauxit laterit...).

3. Nguồn số liệu

- Kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, kết quả thăm dò khoáng sản;
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.